

TP. Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

Số: /TB-TTPTQĐ

THÔNG BÁO (LẦN 3)

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất
Dự án: Khu dân cư thôn Sơn Hà, xã Hoàng Đại, thành phố Thanh Hóa
thuộc MBQH 6455/QĐ-UBND ngày 25/7/2016

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

Căn cứ Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND, ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Quyết định số 2494/QĐ-UBND, ngày 21/3/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất tại Dự án: Khu dân cư thôn Sơn Hà, xã Hoàng Đại, thành phố Thanh Hóa thuộc MBQH 6455/QĐ-UBND ngày 25/7/2016;

Căn cứ Quyết định 8690/QĐ-UBND, ngày 09/9/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa về việc phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất tại Dự án: Khu dân cư thôn Sơn Hà, xã Hoàng Đại, thành phố Thanh Hóa thuộc MBQH 6455/QĐ-UBND ngày 25/7/2016;

Quyết định số 14103/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất Dự án: Khu dân cư thôn Sơn Hà, xã Hoàng Đại, thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 7461/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của UBND thành phố Thanh Hóa về việc giao nhiệm vụ cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thanh Hóa thực hiện khai thác đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 6934/UBND-TCKH, ngày 16/11/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa về việc thực hiện các thủ tục đấu giá QSD đất theo đúng quy định của pháp luật và Triển khai thực hiện lựa chọn, chấm điểm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp.

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thanh Hóa thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất tại Dự án: Khu dân cư thôn Sơn Hà, xã Hoàng Đại, thành phố Thanh Hóa thuộc MBQH 6455/QĐ-UBND ngày 25/7/2016, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:

- Tên người có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa.
- Địa chỉ: Đại lộ Nguyễn Hoàng, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa.
- Đơn vị được giao tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất: Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thanh Hóa.

2. Tên tài sản, số lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

- Dự án: Khu dân cư thôn Sơn Hà, xã Hoàng Đại, thành phố Thanh Hóa thuộc MBQH 6455/QĐ-UBND ngày 25/7/2016;

- Diện tích đất thực hiện đấu giá: 4.392,0 m², gồm 35 lô đất ở liền kề bao gồm các lô B2; lô B7, lô B8; D3; D6; từ lô F1 đến lô F5; từ lô F8 đến lô F26; Từ lô F29 đến lô F31; F34 đến lô F36 . Diện tích lô từ 111,0m² đến 149,0m².

- Tổng giá trị tiền sử dụng đất theo mức giá khởi điểm của 35 lô đất đấu giá là: **38.035.200.000 đồng** (Ba mươi tám tỷ, không trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng)

3. Hình thức đấu giá:

- Đấu giá 01 m² đất, để tính cho giá trị lô đất, trong mặt bằng quy hoạch.

- Đấu giá theo hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp một vòng.

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Quy định cụ thể tại Thông tư số 02/2022/TT-BTP, ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản gồm:

- Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

- Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

- Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.

- Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

- Nhóm Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định: Đơn vị tham gia tổ chức đấu giá tài sản có mức thù lao dịch vụ thấp nhất

5. Phương pháp đánh giá để lựa chọn tổ chức đấu giá:

- Sử dụng phương pháp đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí lựa chọn

* Giải quyết kiến nghị, thắc mắc: Căn cứ theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và Luật Đấu thầu.

6. Các hồ sơ, tài liệu, thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

Các hồ sơ, tài liệu nộp đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

+ Hồ sơ năng lực theo nhóm tiêu chí: 01 bộ đóng quyển (bản sao);

+ Phương án tổ chức cuộc đấu giá (01 bộ bản gốc);

+ Văn bản đề xuất thù lao dịch vụ đấu giá tài sản phù hợp (01 bản gốc)

7. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia:

- Thời gian nộp hồ sơ: từ ngày 31/05/2023 đến hết ngày 02/6/2023.

+ Buổi sáng từ 07h00 phút đến 11h30 phút.

+ Buổi chiều từ 13h30 phút đến 17h00 phút.

- Lưu ý: Hồ sơ đã nộp để đăng ký tham gia không được hoàn trả lại.

- Địa điểm nhận hồ sơ: Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thanh Hóa.

Địa chỉ: Tầng 6, Trung tâm hành chính UBND thành phố Thanh Hóa, đại lộ Nguyễn Hoàng, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa. Mọi chi tiết liên hệ trực tiếp trong giờ hành chính tại bộ phận Đấu giá (hoặc theo số điện thoại: 0904.88.98.98).

Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thanh Hóa thông báo các đơn vị tổ chức đấu giá tài sản được biết để đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch; Các PCT UBND TP (b/c);
- Công thông tin điện tử Quốc gia về ĐGTS (TB);
- Văn phòng UBND tỉnh (để đăng tải trên cổng TT điện tử của UBND tỉnh);
- Trung tâm VHTT TT và du lịch TP (để đăng tải trên cổng TT điện tử của UBND TP);
- Các phòng: TC-KH, TN&MT, Tư pháp;
- Lưu VP./

GIÁM ĐỐC

Tào Minh Hạnh

BẢNG CHẤM ĐIỂM

(theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	
	TỔNG CỘNG	100	
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23	
1	<i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>	11	
2	<i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i>	8	
3	<i>Có trang thông tin điện tử đang hoạt động</i>	2	
4	<i>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến</i>	1	
5	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1	
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22	
1	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</i>	4	
2	<i>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4	
3	<i>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá</i>	4	
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	4	
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3	
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3	
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45	
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá</i>	6	
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm</i>	18	

3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</i>	5	
4	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</i>	3	
5	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</i>	4	
6	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</i>	5	
7	<i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</i>	3	
8	<i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>	1	
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp	5	
1	<i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>	3	
2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4	
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5	
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định: Đơn vị tham gia tổ chức đấu giá tài sản có mức thù lao dịch vụ thấp nhất	5	
TỔNG SỐ ĐIỂM		100	
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>	
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>	

**TỔNG HỢP DANH SÁCH LÔ ĐẤU GIÁ MB 6455/QĐ-UBND NGÀY 25/7/2016
THÔN SƠN HÀ, XÃ HOÀNG ĐẠI, THÀNH PHỐ THANH HÓA**

TT	Số lô	Diện tích	Giá khởi điểm dự kiến	Thành tiền	Ghi chú
1	B2	125,0	7.000.000	875.000.000	7,5
2	B7	125,0	7.000.000	875.000.000	7,5
3	B8	120,5	8.400.000	1.012.200.000	Đ.ve 7,5
4	D3	132,0	7.000.000	924.000.000	7,5
5	D6	139,5	8.400.000	1.171.800.000	Đ.ve 7,5
6	F1	115,5	8.400.000	970.200.000	Đ.ve 7,5
7	F2	120,0	7.000.000	840.000.000	7,5
8	F3	120,0	7.000.000	840.000.000	7,5
9	F4	120,0	7.000.000	840.000.000	7,5
10	F5	120,0	7.000.000	840.000.000	7,5
11	F8	116,0	10.000.000	1.160.000.000	> 10,5
12	F9	118,5	10.000.000	1.185.000.000	> 10,5
13	F10	118,5	10.000.000	1.185.000.000	> 10,5
14	F11	121,0	10.000.000	1.210.000.000	> 10,5
15	F12	121,0	10.000.000	1.210.000.000	> 10,5
16	F13	123,5	10.000.000	1.235.000.000	> 10,5
17	F14	123,5	10.000.000	1.235.000.000	> 10,5
18	F15	126,0	10.000.000	1.260.000.000	> 10,5
19	F16	126,0	10.000.000	1.260.000.000	> 10,5
20	F17	128,5	10.000.000	1.285.000.000	> 10,5
21	F18	128,5	10.000.000	1.285.000.000	> 10,5
22	F19	131,0	10.000.000	1.310.000.000	> 10,5
23	F20	131,0	10.000.000	1.310.000.000	> 10,5
24	F21	133,5	10.000.000	1.335.000.000	> 10,5
25	F22	136,0	10.000.000	1.360.000.000	> 10,5
26	F23	149,0	12.000.000	1.788.000.000	Đ.ve đường > 10,5
27	F24	125,0	8.000.000	1.000.000.000	10,5
28	F25	125,0	8.000.000	1.000.000.000	10,5
29	F26	123,0	8.000.000	984.000.000	10,5
30	F29	125,0	7.000.000	875.000.000	7,5
31	F30	125,0	7.000.000	875.000.000	7,5
32	F31	125,0	7.000.000	875.000.000	7,5
33	F34	125,0	7.000.000	875.000.000	7,5
34	F35	125,0	7.000.000	875.000.000	7,5
35	F36	125,0	7.000.000	875.000.000	7,5
Tổng		4.392,0		38.035.200.000	